



CÔNG BÁO

Tỉnh An Giang

Số 20

Ngày 11 tháng 05 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

27/04/2023	Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND Bãi bỏ Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang	3
28/04/2023	Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND	5
28/04/2023	Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND Bãi bỏ Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang	9
05/05/2023	Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 62/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án giá và lộ trình thực hiện giá dịch vụ thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang	11

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

27/04/2023	Quyết định số 581/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang	13
27/04/2023	Quyết định số 582/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang	20
28/04/2023	Kế hoạch số 321/KH-UBND Triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới	45
24/05/2023	Công văn số 453/UBND-KTTH Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	55

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2023/QĐ-UBND

An Giang, ngày 27 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 399/TTr-STC ngày 20 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thuý

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2023/QĐ-UBND

An Giang, ngày 28 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới Công nghệ quốc gia đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 396/TTr-SKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c và d khoản 4 Điều 3 như sau:

“c) Những mô hình từ thực tiễn có hiệu quả, khi gửi hồ sơ dự án để xem xét hỗ trợ từ Quy định này, thì mô hình phải được thẩm định từ đơn vị/tổ chức khoa học và công nghệ có chuyên môn trong lĩnh vực được đề nghị hỗ trợ.

d) Tổ chức chủ trì dự án phải có đủ năng lực hoặc huy động được nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm được tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công dự án. Hoặc tổ chức chủ trì dự án có khả năng huy động được nguồn kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và sử dụng kết quả dự án; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp có sử dụng nguồn vốn từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 4 như sau:

“b) Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất phải tăng ít nhất 10% giá trị gia tăng của sản phẩm và có năng suất lao động cao hơn so với trước khi thực hiện dự án.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 5 và bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“4. Dự án hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ tiên tiến, sản xuất sản phẩm mới, cải tiến thay đổi quy trình công nghệ cần đáp ứng các điều kiện sau:

c) Chứng minh được hiệu quả của dự án:

Đối với dự án nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, kết quả, sản phẩm dự kiến phải có địa chỉ ứng dụng hoặc chuyển giao;

Dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến phải tạo ra được sản phẩm, dịch vụ được triển khai tối thiểu ở quy mô huyện, thị, thành phố;

Sản phẩm tạo ra của dự án sản xuất sản phẩm mới phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

Việc thay đổi quy trình công nghệ góp phần tăng ít nhất 10% giá trị gia tăng của sản phẩm.

5. Triển khai ứng dụng các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm cần đáp ứng các tiêu chí theo khoản 4 Điều 7 của Thông tư số 06/2021/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới Công nghệ quốc gia đến năm 2030.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 và bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:

“3. Dự án nhân rộng được thực hiện tối đa 03 lần cho 01 sản phẩm/dự án trên địa bàn tỉnh (không bao gồm các dự án có liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị hoặc

tổ hợp tác, hợp tác xã). Mỗi dự án nhân rộng phải có tối thiểu từ 03 hộ hoặc tổ chức trở lên cùng tham gia thực hiện dự án, sản xuất cùng một loại sản phẩm, có hợp đồng bao tiêu và cam kết duy trì dự án sau nghiệm thu 05 năm. Dừng hỗ trợ việc thực hiện nhân rộng dự án đối với trường hợp công nghệ/quy trình kỹ thuật đang ứng dụng được cải tiến hoặc thay thế bởi công nghệ/quy trình kỹ thuật mới, tiên tiến. Ưu tiên cho các dự án quy mô sản xuất vùng, sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu.

4. Đối với các dự án khoa học và công nghệ hỗ trợ thuộc Quy định này, sau khi được hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả đạt từ 80 điểm trở lên, có thể tiến hành ngay dự án hỗ trợ nhân rộng nếu địa phương có nhu cầu.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Dự án tăng cường nguồn lực cho đổi mới công nghệ vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

a) Đầu tư tăng cường tiềm lực và nâng cao năng lực phổ biến, chuyển giao công nghệ của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, cần đáp ứng các điều kiện sau:

Xác định cụ thể, mục tiêu, nội dung, giải pháp của dự án;

Xác định được đúng nhu cầu, đối tác của chuyển giao công nghệ;

Huy động được nguồn lực để chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ cho doanh nghiệp, nông dân;

Có kế hoạch hoạt động và được địa phương cam kết cùng hỗ trợ phát triển.”

6. Bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 9 như sau:

“đ) Xác định các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật theo đặc trưng của từng vùng, từng địa bàn để làm cơ sở lựa chọn thực hiện việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ và nhân rộng điển hình.”

7. Sửa đổi, bổ sung tên Chương III như sau:

“Chương III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỖ TRỢ”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Tiếp nhận hỗ trợ

1. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ dự án của các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án về ứng dụng, đổi mới công nghệ; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; sản xuất thử nghiệm; chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích; tập huấn kỹ thuật.

2. Hồ sơ dự án áp dụng theo Điều 5 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn,

giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Anh Thư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2023/QĐ-UBND

An Giang, ngày 28 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 441/TTr-STC ngày 27 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thúy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2023/QĐ-UBND

An Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 62/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án giá và lộ trình thực hiện giá dịch vụ thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 ngày 06 tháng 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 359/TTr-STC ngày 12 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 62/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án giá và lộ trình thực hiện giá dịch vụ thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Nguồn thu từ dịch vụ thoát nước phát sinh trên địa bàn có hệ thống thoát nước (đơn vị là chủ sở hữu hệ thống thoát nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt) thì được nộp vào ngân sách địa phương đó để quản lý và sử dụng cho mục đích quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có nguồn thu chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí từ nguồn thu theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí từ nguồn thu dịch vụ thoát nước trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ cấp nước có trách nhiệm tổ chức thu tiền dịch vụ thoát nước thông qua hóa đơn tiền nước đối với các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung; sau khi nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định, số tiền còn lại nộp vào ngân sách nhà nước tại địa phương có hệ thống thoát nước để quản lý và sử dụng cho mục đích quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với các hộ không sử dụng nước sạch nhưng xả thải vào hệ thống thoát nước tập trung, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thoát nước có trách nhiệm thống kê danh sách và báo cáo Sở Xây dựng để đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giao đơn vị đủ thẩm quyền tiến hành thu với định mức xả thải là 16 m³/hộ/tháng. Đơn vị được giao thu tiền dịch vụ thoát nước sau khi nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định, số tiền còn lại nộp vào ngân sách nhà nước tại địa phương có hệ thống thoát nước để quản lý và sử dụng cho mục đích quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Anh Thư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 581/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 27 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 880/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1468/TTr-SGDĐT ngày 25 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc thẩm quyền giải quyết và chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 54, 55, 56, 57 Mục VII; thủ tục hành chính số 70 Mục IX, Phụ lục II và thủ tục hành chính số 30, 31, 32, 33 Mục VI, Phần B, Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết và chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 56, 57, 58, 59 Mục VII; thủ tục hành chính số 72 Mục IX, Phần III, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 20, 51, 52 Phụ lục 1 và thủ tục hành chính số 01 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 08, 43, 44, 51 Mục III; Thủ tục hành chính số 17, 18, 49, 50 Mục B, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 1, 5 khoản 3 Mục A Phụ lục I; thủ tục hành chính số 7, 8, 9 Mục B Phụ lục I; thủ tục hành chính số 3, 4 khoản 4 Mục A Phụ lục II; thủ tục hành chính số 9 Mục B Phụ lục II; thủ tục hành chính số 58 khoản 2 Mục A Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VÀ LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH AN GIANG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.004435.000.00.00.H01	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	1.004436.000.00.00.H01	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công		
3	1.002982.000.00.00.H01	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Sở Giáo dục và Đào tạo; Cơ sở giáo dục
4	1.005144.000.00.00.H01	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các	Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống	Giáo dục và đào tạo thuộc	Cơ sở giáo dục; Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Lao

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	hệ thống giáo dục quốc dân	động - Thương binh và Xã hội
5	1.005090.000.00.00.H01	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thi, sinh tuyển	Sở Giáo dục và Đào tạo

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.004438.000.00.00.H01	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Ủy ban nhân dân cấp huyện
2	1.003702.000.00.00.H01	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Phòng Giáo dục và Đào tạo; Cơ sở giáo dục

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
3	1.001622.000.00.00.H01	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cơ sở giáo dục mầm non Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện
4	1.008950.000.00.00.H01	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cơ sở giáo dục mầm non, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp huyện

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 582/QĐ-UBND

An Giang, ngày 27 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-LĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang tại Tờ trình số 1212/TTr-SLĐTBXH ngày 24 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ quy trình nội bộ số 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang.

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH*(Đã ký)***Nguyễn Thanh Bình**

PHỤ LỤC

**Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

1. Thủ tục hành chính: Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng

PHÒNG LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT
	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		

MỤC LỤC**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU: Không

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với: Đối tượng, người giám hộ của đối tượng hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- NĐ: Nghị định;
- CP: Chính phủ;
- QĐ: Quyết định;
- UBND: Ủy ban nhân dân;
- TN&TKQ: Tiếp nhận và trả kết quả;
- LDTBXH: Lao động Thương binh và Xã hội;
- BTXH: Bảo trợ xã hội.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: + Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội + Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Đối tượng, người giám hộ của đối tượng quy định tại Điều 5; hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng tại cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng: Tờ khai của đối tượng (theo Mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).	x	
	- Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng:	x	
	+ Tờ khai hộ gia đình có người khuyết tật (theo Mẫu số 2a ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)	x	

	+ Tờ khai nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (theo Mẫu số 2b ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)	x		
	+ Tờ khai của đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trong trường hợp đối tượng không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)			
5.5	Thời gian xử lý: 22 ngày (176 giờ) làm việc			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: BPTN&TKQ của UBND cấp xã, cấp huyện			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Đối tượng, người giám hộ của đối tượng hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan làm hồ sơ theo quy định, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình các giấy tờ sau (trường hợp nộp trực tiếp) để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai trong tờ khai: + Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia; chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (<i>Cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phải khai thác sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ</i>	Cá nhân, gia đình của đối tượng hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan làm hồ sơ theo quy định	Giờ hành chính	01 bộ hồ sơ theo quy định

	tục hành chính cung cấp dịch vụ công; trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân thì cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công có thể yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú). + Giấy khai sinh của trẻ em đối với trường hợp xét trợ cấp xã hội đối với trẻ em, người đơn thân nghèo đang nuôi con, người khuyết tật đang nuôi con; + Giấy tờ xác nhận bị nhiễm HIV của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp bị nhiễm HIV; + Giấy tờ xác nhận đang mang thai của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp người khuyết tật đang mang thai; + Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật.			
Bước 2	Xét duyệt và niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở UBND cấp xã:	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	72 giờ	
	Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã tiếp nhận và chuyển hồ sơ cán bộ phụ trách thẩm định	Công chức Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã	08 giờ	Phiếu tiếp nhận
	Cán bộ phụ trách công tác LĐTBXH có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	Cán bộ LĐTBXH cấp xã	24 giờ	

	Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức việc xem xét, quyết định việc xét duyệt.	Chủ tịch UBND cấp xã	24 giờ	Biên bản
	Niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở UBND cấp xã, trừ những thông tin về HIV của đối tượng.	Chủ tịch UBND cấp xã	16 giờ	Kết quả xét duyệt
	+ Trường hợp có khiếu nại, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung khiếu nại.	Chủ tịch UBND cấp xã	80 giờ	Kết quả khiếu nại
Bước 3	Chủ tịch UBND cấp xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng LĐTBXH.	Chủ tịch UBND cấp xã	24 giờ	Văn bản đề nghị
Bước 4	Thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng.	Phòng LĐTBXH	56 giờ	Văn bản hoặc quyết định
	+ Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng LĐTBXH trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Phòng LĐTBXH	56 giờ	Văn bản trả lời
Bước 5	Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng.	UBND cấp huyện	24 giờ	Quyết định

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 1a	Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội (Áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)
2	Mẫu số 1b	Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội (Áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)

3	Mẫu số 1c	Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội (Áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)
4	Mẫu số 1d	Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội (Áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)
5	Mẫu số 1đ	Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội (Áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)
6	Mẫu 2a	Tờ khai hộ gia đình có người khuyết tật
7	Mẫu 2b	Tờ khai nhận chăm sóc, nuôi dưỡng
8	Mẫu 03	Tờ khai đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ, giấy tờ tại mục 5.3
2	Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng.
Hồ sơ được lưu tại UBND cấp xã và Phòng LĐTBXH cấp huyện. Thời gian lưu không thời hạn.	

Mẫu số 1a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

*(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 5
Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)*

THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên (Viết chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh: ... / ... / Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số Cấp ngày .../ ... /

Nơi cấp:

2. Nơi cư trú:

Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?

3. Tình trạng đi học

☐ Chưa đi học (Lý do:)

☐ Đã nghỉ học (Lý do:)

☐ Đang đi học (Ghi cụ thể):)

4. Có thẻ BHYT không? ☐ Không ☐ Có

5. Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Trợ cấp BHXH hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng/.....

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng/

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng .../...

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: đồng. Hưởng từ tháng .../

6. Thuộc hộ nghèo, cận nghèo không? ☐ Không ☐ Có

7. Có khuyết tật không? ☐ Không ☐ Có

- Giấy xác nhận khuyết tật số Ngày cấp: Nơi cấp

- Dạng tật:

- Mức độ khuyết tật:

8. Thông tin về cha hoặc mẹ của đối tượng có đang hưởng chế độ nào sau đây:

Trợ cấp BHXH hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng ... /

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng .../

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng:.... đồng. Hưởng từ tháng..../

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: đồng. Hưởng từ tháng/

9. Thông tin về cha của đối tượng

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Thông tin người khai thay

Ngày tháng năm ...

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân
số:.

NGƯỜI KHAI

Ngày cấp: Nơi cấp:

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai
thay phải ghi đầy đủ thông tin người
khai thay)

Mối quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các giấy tờ kèm theo và xác nhận thông tin cá nhân nêu trên của ông (bà)
..... là đúng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm ...

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 1b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

*(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 3 và khoản 8 Điều 5
Nghị định số 20/2021/NĐ-CP)*

THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên (Viết chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh: ... /... /.... Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số Cấp ngày .../ ... /

Nơi cấp:

2. Nơi cư trú:

Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?

3. Tình trạng đi học

☐ Chưa đi học (Lý do:)

☐ Đã nghỉ học (Lý do:)

☐ Đang đi học (Ghi cụ thể):)

4. Có thẻ BHYT không? ☐ Không ☐ Có

5. Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Trợ cấp BHXH hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng /

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng .../

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng:..... đồng. Hưởng từ tháng/

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: đồng. Hưởng từ tháng .../

6. Thuộc hộ nghèo không? ☐ Không ☐ Có

7. Thời điểm phát hiện nhiễm HIV

8. Có khuyết tật không? ☐ Không ☐ Có

- Giấy xác nhận khuyết tật số Ngày cấp : Nơi cấp

- Dạng tật:

- Mức độ khuyết tật:

9. Khả năng tham gia lao động (Ghi cụ thể)

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Thông tin người khai thay

Ngày tháng năm ...

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân
số:

NGƯỜI KHAI

Ngày cấp: Nơi cấp:

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai
thay phải ghi đầy đủ thông tin người
khai thay)

.....

Mối quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

.....

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các giấy tờ kèm theo và xác nhận thông tin cá nhân nêu trên của ông (bà) là đúng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 1c

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số....)

THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên (Viết chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh: ... I ... I Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số Cấp ngày .../ ... /

Nơi cấp:

2. Nơi cư trú:

Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?

3. Có thẻ BHYT không? ☐ Không ☐ Có

4. Thuộc hộ nghèo, cận nghèo không? ☐ Không ☐ Có

5. Tình trạng hôn nhân? (Ghi rõ: Không có chồng/vợ; có chồng/vợ đã chết hoặc mất tích theo quy định)

6. Số con đang nuôi người. Trong đó dưới 16 tuổi người; từ 16 đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ... người.

7. Thông tin về con thứ nhất (Ghi cụ thể họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi ở, tình trạng đi học, chế độ chính sách đang hưởng)

8. Thông tin con thứ hai trở đi (Khai đầy đủ thông tin như con thứ nhất)...

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Thông tin người khai thay

Ngày tháng năm ...

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số:..

NGƯỜI KHAI

Ngày cấp: Nơi cấp:

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Mối quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các giấy tờ kèm theo và xác nhận thông tin cá nhân nêu trên của ông (bà) là đúng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm ...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 1d

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số)

THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên *(Viết chữ in hoa)*.

Ngày/tháng/năm sinh: .../... / Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số Cấp ngày .../ ... /

Nơi cấp:

2. Nơi cư trú:

Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?

3. Có thẻ BHYT không? ☐ Không ☐ Có

4. Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng:đồng. Hưởng từ tháng/

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng/

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng..../

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: đồng. Hưởng từ tháng .../

5. Thuộc hộ nghèo, cận nghèo không? ☐ Không ☐ Có

6. Có khuyết tật không? ☐ Không ☐ Có

- Giấy xác nhận khuyết tật số Ngày cấp: Nơi cấp:

- Dạng tật:

- Mức độ khuyết tật:

7. Tình trạng hôn nhân? (Ghi rõ: Không có chồng/vợ; có chồng/vợ đã chết hoặc mất tích theo quy định)

8. Người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (Nếu có, ghi cụ thể họ tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi ở, việc làm, thu nhập):

9. Quá trình hoạt động của bản thân (Không bắt buộc):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Thông tin người khai thay

Ngày tháng năm ...

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân
số:**NGƯỜI KHAI**

Ngày cấp:

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai
thay phải ghi đầy đủ thông tin người
khai thay)

Nơi cấp:

Mối quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các giấy tờ kèm theo và xác nhận thông tin cá nhân nêu trên của ông (bà) là đúng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 1d

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số))

THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên (Viết chữ in hoa):
- Ngày/tháng/năm sinh: ... I... I.... Giới tính: Dân tộc:
- Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số cấp ngày .../ ... /
- Nơi cấp:
2. Nơi cư trú:
- Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?
3. Tình trạng đi học
 - ☐ Chưa đi học (Lý do:)
 - ☐ Đã nghỉ học (Lý do:)
 - ☐ Đang đi học (Ghi cụ thể):)
4. Có thẻ BHYT không? ☐ Không ☐ Có
5. Đang hưởng chế độ nào sau đây:
 - Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng: ... đồng. Hưởng từ tháng ...//
 - Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng//
 - Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng//
 - Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: đồng. Hưởng từ tháng//
6. Thuộc hộ nghèo không? ☐ Không ☐ Có
7. Giấy xác nhận khuyết tật số Ngày cấp : Nơi cấp
- Dạng tật:
- Mức độ khuyết tật:
8. Có tham gia làm việc không? ☐ Không ☐ Có
 - a) Nếu có thì đang làm gì, thu nhập hàng tháng đồng
 - b) Nếu không thì ghi lý do:
9. Tình trạng hôn nhân :
10. Số con (Nếu có):... người. Trong đó, dưới 36 tháng tuổi: người.
11. Khả năng tự phục vụ?

12. Cá nhân/hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Thông tin người khai thay

Ngày tháng năm ...

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân
số:.....

NGƯỜI KHAI

Ngày cấp:

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai
thay phải ghi đầy đủ thông tin người
khai thay)

Nơi cấp:

Mối quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các giấy tờ kèm theo và xác nhận thông tin cá nhân nêu trên của ông (bà) là đúng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm ...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 2a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI HỘ GIA ĐÌNH CÓ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1. Họ và tên chủ hộ (Viết chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh: ... /... /.... Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số cấp ngày .../ ... /

Nơi cấp:

2. Nơi cư trú của hộ:

Nơi ở hiện nay của hộ (Ghi rõ địa chỉ)

3. Số người trong hộ: người (Trong đó người khuyết tật người).

Cụ thể:

- Khuyết tật đặc biệt nặng ... người (Đang sống tại hộ người)

- Khuyết tật nặng người (Đang sống tại hộ người)

- Khuyết tật nhẹ người (Đang sống tại hộ người)

4. Hộ có thuộc diện nghèo không? ☐ Không ☐ Có

5. Nhà ở (Ghi cụ thể loại nhà ở kiên cố, bán kiên cố, nhà tạm):

Có ai trong hộ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội không? (Nếu có ghi cụ thể họ tên, lý do, thời gian hưởng):.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Thông tin người khai thay

Ngày tháng năm ...

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số:.....

NGƯỜI KHAI

Ngày cấp:

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Nơi cấp:

Mối quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các giấy tờ kèm theo và xác nhận thông tin cá nhân nêu trên của ông (bà) là đúng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm ...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 2b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NHẬN CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

1. Thông tin về hộ

a) Họ và tên (Viết chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh: .../ ... / Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số Cấp ngày .../ ... /

Nơi cấp:

b) Nơi đăng ký thường trú của hộ:

Nơi ở hiện nay của hộ (Ghi rõ địa chỉ)

c) Có thuộc hộ nghèo không? ☐ Có ☐ Không

d) Nhà ở (Ghi cụ thể loại nhà ở kiên cố, bán kiên cố, nhà tạm; thuộc sở hữu của hộ, nhà thuê, ở nhờ):
.....

đ) Thu nhập của hộ trong 12 tháng qua:

2. Thông tin về người đứng ra nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng

a) Họ và tên (Viết chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh: .../ .../... Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số Cấp ngày.../.../... Nơi cấp:

Nơi ở hiện nay:

b) Kinh nghiệm, kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng (Ghi cụ thể):

c) Có khuyết tật không?

☐ Không

☐ Có

Giấy xác nhận khuyết tật số Ngày cấp: Nơi cấp:

- Dạng tật:

- Mức độ khuyết tật:

d) Tình trạng hôn nhân:

đ) Có mắc bệnh mạn tính không? ☐ Không ☐ Có (Ghi bệnh)

e) Có bị kết án tù, xử phạt vi phạm hành chính (Nếu có ghi cụ thể hình thức, thời gian):

3. Thông tin về vợ hoặc chồng của người đứng ra nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng

a) Họ và tên (Viết chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh: ... I... I... Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số cấp ngày .../ ... / ... Nơi cấp:.....

Nơi ở hiện nay:

b) Kinh nghiệm, kỹ năng chăm sóc nuôi dưỡng đối tượng (Ghi cụ thể):

c) Có khuyết tật không?

☐ Không

☐ Có

Giấy xác nhận khuyết tật số Ngày cấp: Nơi cấp:

- Dạng tật:

- Mức độ khuyết tật:

d) Có mắc bệnh mạn tính không? ☐ Không ☐ Có

(Ghi bệnh.....)

đ) Có bị kết án tù, xử phạt vi phạm hành chính (Nếu có ghi cụ thể hình thức, thời gian):

Tôi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn xem xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh cho phép gia đình và tôi được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng ông/bà/cháu (hồ sơ người được nhận chăm sóc nuôi dưỡng kèm theo)

Tôi xin cam đoan sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng theo đúng quy định.

**Ý KIẾN CỦA NGƯỜI GIÁM HỘ
HOẶC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC NHẬN
CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các giấy tờ kèm theo và xác nhận thông tin cá nhân nêu trên của ông (bà) là đúng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm ...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC NHẬN CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

1. Họ và tên (Viết chữ in hoa):
- Ngày/tháng/năm sinh: .../.../.... Giới tính: Dân tộc:
- Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số Cấp ngày .../ ... /
- Nơi cấp:
2. Nơi cư trú:
- Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?
3. Tình trạng đi học
 - ☐ Chưa đi học (Lý do:)
 - ☐ Đã nghỉ học (Lý do:)
 - ☐ Đang đi học (Ghi cụ thể):)
4. Có thẻ BHYT không? ☐ Không ☐ Có
5. Đang hưởng chế độ nào sau đây:
 - Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng: ... đồng. Hưởng từ tháng ... /
 - Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng/
 - Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng.../...
 - Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: đồng. Hưởng từ tháng .../
6. Thuộc hộ nghèo không? ☐ Không ☐ Có
7. Giấy xác nhận khuyết tật số Ngày cấp: Nơi cấp
 - Dạng tật:
 - Mức độ khuyết tật:
8. Có tham gia làm việc không? ☐ Không ☐ Có
 - a) Nếu có thì đang làm gì, thu nhập hàng tháng đồng
 - b) Nếu không thì ghi lý do:
9. Tình trạng hôn nhân:
10. Khả năng tự phục vụ?

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Thông tin người khai thay

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân
số:.....

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Mối quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

Ngày tháng năm ...

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai
thay phải ghi đầy đủ thông tin người
khai thay)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các giấy tờ kèm
theo và xác nhận thông tin cá nhân nêu trên của ông (bà) là đúng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 321/KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 28 tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới

Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đổi mới về tư duy, nhận thức và hành động, xác định bảo đảm trật tự, an toàn giao thông (TTATGT) là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là thành tố quan trọng trong bảo đảm an ninh con người, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội của đất nước. Lấy người dân là trung tâm, là chủ thể, động lực, nguồn lực, đặt an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân là trên hết, trước hết; bảo đảm các quyền lợi cho người dân là ưu tiên hàng đầu trong mọi hoạt động của lực lượng chức năng.

2. Thiết lập trật tự, kỷ cương trong chấp hành pháp luật về giao thông của cả người tham gia giao thông và lực lượng thực thi pháp luật về giao thông; xây dựng ý thức tự giác, ứng xử văn minh, chuẩn mực của người dân khi tham gia giao thông, từng bước hình thành rõ nét văn hóa giao thông trong Nhân dân; giảm thiểu tai nạn giao thông (TNGT), trọng tâm là bảo đảm an ninh, an toàn sức khỏe, tính mạng, tài sản của Nhân dân; khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương chỉ đạo của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo đảm TTATGT. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm TTATGT trên lĩnh vực, địa bàn phụ trách, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên; đồng thời, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương, giải pháp đã đề ra, kịp thời phát hiện những thiếu sót để chấn chỉnh, khắc phục. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm toàn diện về công tác bảo đảm TTATGT trên lĩnh vực, địa bàn phụ trách. Xem xét, xử lý trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương nếu để tình hình TTATGT xảy ra phức tạp trên lĩnh vực, địa bàn phụ trách do thiếu lãnh đạo, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm trong phạm vi quản lý. Tất cả các vụ TNGT gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra phải được xem xét, cá thể hóa, xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân liên quan.

2. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo đảm TTATGT. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, điều tra xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, sai phạm, tiêu cực của các cơ quan quản lý nhà nước về giao thông, lực lượng thực thi pháp luật về giao thông, chính quyền địa phương và các lực lượng khác có liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý hành lang an toàn giao thông (ATGT). Trong quá trình xử lý các vi phạm pháp luật về giao thông phải tuyệt đối thượng tôn pháp luật, *“không có vùng cấm, không có ngoại lệ”*, tất cả các hành vi vi phạm về TTATGT phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm cán bộ, đảng viên can thiệp, tác động vào quá trình xử lý vi phạm pháp luật về giao thông của các cơ quan chức năng; nghiêm cấm lực lượng chức năng *“xuê xoa”*, bỏ qua trong xử lý vi phạm dưới mọi hình thức. Mọi cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật về giao thông phải được thông báo về cơ quan, đơn vị để xử lý nghiêm theo quy định của Đảng, của từng ngành, cơ quan, đơn vị. Cương quyết khởi tố, điều tra, xử lý nghiêm các vụ TNGT có dấu hiệu tội phạm và đối tượng chống người thi hành công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Tập trung phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm là nguyên nhân chính dẫn đến các vụ TNGT nghiêm trọng, như điều khiển phương tiện quá tốc độ cho phép, vi phạm nồng độ cồn, ma túy, *“cơi nới”* thành, thùng xe, chở hàng quá khổ, quá tải,... Phải tiếp tục thực hiện quyết liệt việc kiểm soát, xử lý đối với người điều khiển phương tiện có nồng độ cồn nhằm tạo chuyển biến tích cực, tiến tới hình thành thói quen, văn hóa *“đã uống rượu bia không lái xe”*, trước hết trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang đến Nhân dân. Từng địa phương phải có kế hoạch cụ thể để kiểm soát nồng độ cồn đối với từng tuyến, từng địa bàn, tập trung ở thành phố, thị trấn, khu công nghiệp đông công nhân, khu du lịch,... Tuyệt đối không vì lợi ích kinh tế mà xem nhẹ việc phòng, chống tác hại của rượu, bia đối với sức khỏe Nhân dân, cộng đồng, ATGT, trật tự an toàn xã hội. Căn cứ tình hình thực tiễn, hằng năm tổ chức tổng kiểm soát các loại phương tiện trên toàn tỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và kiên quyết yêu cầu dừng hoạt động đối với các xe hết niên hạn sử dụng, hết hạn đăng kiểm.

4. Tiếp tục đổi mới về nội dung, hình thức công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp thu, phù hợp với từng vùng, khu vực, địa bàn, lứa tuổi, tôn giáo, nhất là thanh thiếu niên, học sinh,... nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và Nhân dân trong công tác bảo đảm TTATGT; mỗi người dân phải có ý thức tự bảo vệ mình và trách nhiệm bảo vệ người khác khi tham gia giao thông. Xây dựng, nhân rộng, duy trì hoạt động các mô hình hiệu quả, cách làm hay trong công tác bảo đảm TTATGT. Ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản trị thông tin truyền thông để phát hiện, dự báo các xu hướng thông tin tích cực và tiêu cực, có lợi và bất lợi cho công tác chỉ đạo điều hành về công tác bảo đảm TTATGT đường bộ.

5. Tập trung tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật về TTATGT đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, trọng tâm là tham gia để hoàn thiện Dự án Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Luật Đường bộ, trình

Quốc hội thông qua. Rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi các chế tài trong Luật Hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với lĩnh vực giao thông đường bộ theo hướng tăng nặng mức xử phạt đối với các hành vi nguy hiểm, là nguyên nhân trực tiếp gây TNGT như vi phạm nồng độ cồn, ma túy, vi phạm tốc độ, vượt đèn đỏ, chở quá tải trọng cho phép...

6. Xây dựng lộ trình thực hiện đồng bộ quy hoạch hạ tầng giao thông gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa phương,...; nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ, xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh; tổ chức và tổ chức lại giao thông khoa học, hợp lý, đồng bộ gắn với việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là hành lang ATGT. Không đưa vào sử dụng các công trình giao thông khi chưa được nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng. Khắc phục kịp thời các “điểm đen”, “điểm tiềm ẩn” TNGT và các bất hợp lý trong tổ chức giao thông. Bảo đảm và tiếp tục nâng cao chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện giao thông vận tải cơ giới đường bộ.

7. Nâng cao hiệu quả công tác đăng ký, quản lý phương tiện cơ giới đường bộ, theo hướng định danh phương tiện gắn với định danh cá nhân.

8. Tăng cường nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện cho các lực lượng chuyên trách bảo đảm TTATGT. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, giám sát, điều hành giao thông, tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm, điều tra TNGT,...; bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ, sử dụng chung các cơ sở dữ liệu giữa ngành Giao thông vận tải, Công an, Y tế, Tài chính, Ngân hàng... Huy động, sử dụng linh hoạt các nguồn lực để tăng cường năng lực cho các lực lượng chuyên trách bảo đảm TTATGT; năng lực cứu nạn, cứu hộ, cứu chữa nạn nhân.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Công an tỉnh

- Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Công an các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm TTATGT, tập trung xử lý những hành vi vi phạm là nguyên nhân chính dẫn đến các vụ TNGT nghiêm trọng. Thực hiện thường xuyên, quyết liệt việc kiểm soát nồng độ cồn của người tham gia giao thông. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để đổi mới mạnh mẽ, căn bản phương thức hoạt động tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu tổng hợp, đề xuất các giải pháp phòng ngừa, giải quyết, khắc phục ùn tắc giao thông ở các tuyến giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh; xây dựng, bổ sung hoàn thiện các phương án phòng ngừa, giải quyết ùn tắc giao thông phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi tuyến đường, địa phương.

- Qua công tác tuần tra, kiểm soát và điều tra, xử lý TNGT, kịp thời kiến nghị khắc phục các bất hợp lý về tổ chức giao thông. Việc kiến nghị giải quyết phải rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đồng thời theo dõi, đôn đốc và thu thập tài liệu, đề nghị xử lý

những cá nhân, tổ chức thiếu trách nhiệm, không kịp thời có biện pháp khắc phục đối với các trường hợp đã có kiến nghị để xảy ra TNGT đặc biệt nghiêm trọng, có dấu hiệu tội phạm.

- Chỉ đạo cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp tổ chức điều tra, xử lý nghiêm các vụ TNGT đúng quy định của pháp luật, quá trình điều tra, phải xác định nồng độ cồn, ma túy của người điều khiển phương tiện giao thông; ngoài xác định nguyên nhân trực tiếp gây TNGT phải xác định, làm rõ nguyên nhân có liên quan đến trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý nhà nước và thực thi công vụ trong vụ TNGT, phục vụ công tác phòng ngừa và xử lý TNGT chính xác, khách quan, đúng quy định pháp luật; xử lý các cơ sở, cá nhân có hành vi “độ, chế” các loại xe ô tô, mô tô. Phối hợp với Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân các cấp xem xét đưa ra xét xử công khai, lưu động đối với một số vụ án xâm phạm ATGT gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng để tuyên truyền, cảnh báo, phòng ngừa chung.

- Điều tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động giao thông, vận tải như: sản xuất, mua bán, sử dụng các loại giấy tờ giả của phương tiện và người điều khiển phương tiện; vi phạm xây dựng, sửa chữa, duy tu, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông; sửa chữa các thông số kỹ thuật để kiểm định cho các phương tiện giao thông vận tải không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, đưa phương tiện không bảo đảm an toàn vào hoạt động; các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về bảo đảm TTATGT.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giao thông: Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh mở các chuyên mục, tin, bài, phóng sự,... tuyên truyền về ATGT, ưu tiên tuyên truyền vào các “*khung giờ vàng*” để tiếp cận được các tầng lớp Nhân dân; tăng cường tuyên truyền cảnh báo, phòng ngừa TNGT đối với các tuyến đường, các ngày thời tiết không bảo đảm an toàn, trời mưa trơn trượt. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông và huấn luyện các kỹ năng tham gia giao thông an toàn cho học sinh, sinh viên; tổ chức cho nhà trường, phụ huynh và học sinh ký cam kết chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông; xây dựng, nhân rộng các mô hình bảo đảm TTATGT khu vực trường học. Điều tra cơ bản, tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải ký cam kết chấp hành pháp luật về giao thông và chủ động yêu cầu lái xe cam kết chấp hành pháp luật về giao thông. Phối hợp với các doanh nghiệp sử dụng lao động trên địa bàn tuyên truyền, vận động chủ doanh nghiệp, người lao động ký cam kết chấp hành pháp luật về giao thông.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, triển khai hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến trong công tác bảo đảm TTATGT. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm, sai phạm, chấn chỉnh việc tuân thủ quy trình công tác, tư thế, tác phong, văn hóa ứng xử của cán bộ, chiến sỹ trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm TTATGT, tạo chuyển biến rõ nét về hình ảnh người Cảnh sát giao thông bản lĩnh, nhân văn, thân thiện và vì Nhân dân phục vụ.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về TTATGT, đặc biệt là giữa ngành công an với ngành giao thông vận tải. Kết nối, chia sẻ cơ sở dữ

liệu, thông tin dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước về giao thông vận tải và TTATGT, như: cơ sở dữ liệu về tai nạn giao thông, cơ sở dữ liệu về xử phạt vi phạm TTATGT, quản lý phương tiện,...

2. Sở Giao thông vận tải

- Phối hợp với đơn vị chủ đầu tư đảm bảo tiến độ, chất lượng các công trình giao thông, đặc biệt là các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các đơn vị thi công có giải pháp bảo đảm an toàn cho người tham gia giao thông trong quá trình duy tu, sửa chữa hạ tầng giao thông đối với các tuyến đường tỉnh, các tuyến Quốc lộ được ủy thác. Chỉ đạo Thanh tra giao thông phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tăng cường kiểm tra, kịp thời phát hiện để có biện pháp cảnh báo, kiến nghị khắc phục các bất cập là nguyên nhân xảy ra TNGT.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và chính quyền địa phương tổ chức khảo sát thường xuyên thực trạng hạ tầng giao thông để kịp thời phát hiện các “điểm đen”, điểm tiềm ẩn TNGT, có biện pháp thực hiện nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng hợp lý đảm bảo giao thông được thông suốt, an toàn, hiệu quả. Thường xuyên rà soát hệ thống biển báo trên các tuyến đường bộ do địa phương quản lý để kịp thời thay thế, bổ sung những biển báo bị mất hoặc hư hỏng. Kiến nghị với cơ quan Trung ương quản lý các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh kịp thời thay đổi, sửa chữa, bổ sung những biển báo hiệu giao thông bị hư, mất tác dụng, chưa hợp lý nhằm bảo đảm cho giao thông được thông suốt, an toàn. Tổ chức khắc phục những bất cập về tổ chức hạ tầng giao thông khi có kiến nghị của các cơ quan, tổ chức.

- Chấn chỉnh, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn, điều kiện về cơ sở vật chất đối với các cơ sở đào tạo lái xe; có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, chấm dứt tình trạng cấp Giấy phép lái xe cho người nghiện ma túy, người không đủ năng lực, hành vi, sức khỏe. Thực hiện ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe theo quy định.

- Nâng cao chất lượng trong công tác đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải do địa phương quản lý và các trung tâm đăng kiểm xã hội hóa. Xử lý nghiêm vi phạm, kiên quyết đình chỉ nhiệm vụ đối với những trường hợp cán bộ, công chức, đăng kiểm viên vi phạm quy định trong công tác chuyên môn hoặc những thiếu, tiêu cực.

- Tăng cường kiểm soát đối với hoạt động vận tải hành khách, vận tải hàng hóa tại các điểm xuất phát, nơi xuất phát, kiên quyết không cho xuất bến, tại khu vực bãi tập kết vật liệu xây dựng đối với các xe quá niên hạn sử dụng, hết hạn kiểm định, chở quá số người quy định, quá tải trọng xe, xe không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, lái xe không bảo đảm điều kiện sức khỏe,... Quản lý chặt chẽ, kiên quyết thu hồi giấy phép, phù hiệu vận tải đối với các doanh nghiệp, cá nhân vi phạm pháp luật về giao thông. Nghiên cứu đề xuất giải pháp tạo sự bình đẳng trong kinh doanh vận tải giữa tổ chức và cá nhân.

- Yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh vận tải tại địa phương tăng cường tuyên truyền cho cán bộ, nhân viên và người lao động chấp hành nghiêm các quy định về bảo đảm TTATGT: Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng hóa phải chấp hành nghiêm quy định về tải trọng phương tiện, tải trọng của hạ tầng giao thông; Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách phải chấp hành nghiêm về số người theo quy định, chạy đúng tuyến đăng ký; Đối với doanh nghiệp quản lý đông người lao động phải tuyên truyền, vận động người lao động chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm TTATGT.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm thực hiện Quy hoạch về hạ tầng giao thông đồng bộ với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tích hợp kết cấu hạ tầng giao thông hỗ trợ vận tải công cộng và các phương thức vận tải bền vững khác trong quy hoạch tổng thể, bảo đảm ATGT tốt nhất; tổ chức kết nối thuận tiện để người dân sử dụng dịch vụ vận tải công cộng.

- Tổ chức kết nối, chia sẻ với lực lượng Cảnh sát giao thông cơ sở dữ liệu quản lý người điều khiển phương tiện; cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm TTATGT,... Kịp thời thông báo cho lực lượng Cảnh sát giao thông các phương tiện hết niên hạn sử dụng; phương tiện không đăng kiểm để phối hợp xử lý.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan truyền thông của tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về TTATGT, đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung đảm bảo hiệu quả, thiết thực để nâng cao nhận thức, ý thức, kỹ năng tham gia giao thông an toàn cho người dân nhằm từng bước xây dựng và hình thành văn hóa giao thông. Trong đó, chú trọng tuyên truyền *“việc không điều khiển các phương tiện tham gia giao thông khi đã sử dụng rượu, bia, các chất kích thích khác”*; cảnh báo các nguyên nhân chính gây TNGT, hậu quả của TNGT, nhất là TNGT liên quan đến mô tô, xe gắn máy, TNGT trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ,...; chế tài xử lý người tham gia giao thông vi phạm; quy định của pháp luật liên quan đến phương tiện giao thông đường bộ hết niên hạn sử dụng, quá hạn đăng kiểm.

4. Sở Y tế

- Chỉ đạo tổ chức cứu chữa kịp thời nạn nhân trong các vụ TNGT; xét nghiệm nồng độ cồn, ma túy của người điều khiển phương tiện giao thông trong các vụ TNGT.

- Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền về phòng, chống tác hại của rượu bia đối với người điều khiển phương tiện tham gia giao thông. Chú ý hướng dẫn các quy định về ngưỡng nồng độ cồn trong cơ thể.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe đối với người lái xe, siết chặt quản lý đối với hoạt động này. Khắc phục triệt để tình trạng cấp giấy khám sức khỏe có nội dung không chính xác, cấp khống giấy khám sức khỏe để trục lợi; khi phát hiện các trường hợp vi phạm phải phối hợp cơ quan chức năng xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện thống kê số liệu nạn nhân thương tích do tai nạn giao thông vào cấp cứu tại các cơ sở y tế và số liệu tử vong do tai nạn giao thông, định kỳ cung cấp cho Ban An toàn giao thông tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia.

5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TTATGT trong cán bộ, chiến sĩ thuộc quyền, duy trì, nhân rộng các mô hình đơn vị điểm về TTATGT; phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý chặt chẽ đối với cán bộ, chiến sĩ về việc chấp hành các quy định về TTATGT, xử lý nghiêm cán bộ, chiến sĩ vi phạm và xem xét trách nhiệm đối với lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp quản lý cán bộ.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phát động phong trào thi đua bảo đảm TTATGT; tổ chức cho học sinh ký cam kết không vi phạm các quy định về bảo đảm TTATGT và đưa việc chấp hành pháp luật về TTATGT là một tiêu chí phân loại thi đua của nhà trường, giáo viên, đánh giá đạo đức học sinh; phối hợp Công an các cấp trên địa bàn và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để tuyên truyền, phòng ngừa, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về giao thông đường bộ cho học sinh; mỗi học kỳ phải tổ chức ít nhất 01 buổi tuyên truyền pháp luật về giao thông.

7. Sở Nội vụ

- Tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến, vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tổ chức tôn giáo, ban quản lý (người đại diện) các cơ sở tín ngưỡng chấp hành nghiêm chính sách pháp luật về TTATGT; phối hợp với các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các mô hình bảo đảm TTATGT đường bộ của các tổ chức tôn giáo.

- Tăng cường công tác kiểm tra chuyên đề về việc người thực thi công vụ chấp hành các quy trình, quy định của Nhà nước trong các hoạt động bảo đảm TTATGT và công tác chuyên môn về đăng ký, đăng kiểm phương tiện, đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe,... nhằm phát hiện và xử lý các hành vi sai phạm, tiêu cực.

8. Sở Tài chính

Phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ ngân sách đầy đủ, kịp thời để triển khai các nhiệm vụ bảo đảm TTATGT trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên nguồn thu từ tiền xử phạt vi phạm giao thông theo quy định và các nguồn tăng thu khác để tăng cường đầu tư cho các lực lượng làm nhiệm vụ bảo đảm TTATGT thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở đề xuất của các cấp, ngành, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công cho công tác bảo đảm TTATGT theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan.

10. Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tăng cường thời lượng, ưu tiên bố trí khung giờ tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng tham gia giao thông và phòng ngừa tai nạn giao thông cho người tham gia giao thông, người dân sao cho thu hút đối với người xem.

11. Ban An toàn giao thông tỉnh

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đoàn thể tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giao thông với nội dung, hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với các đối tượng, bảo đảm hiệu quả, thực chất.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung hệ thống biển báo hiệu đường bộ; xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và lắp đặt cụm đèn tín hiệu điều khiển giao thông tại một số nút giao thông phức tạp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cấp có thẩm quyền kiện toàn tổ chức bộ máy Ban An toàn giao thông tỉnh, Ban An toàn giao thông huyện, thị xã, thành phố cho phù hợp với tình hình mới theo hướng dẫn của Trung ương.

12. Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông và Nông nghiệp tỉnh

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thi công ngoài việc đẩy nhanh tiến độ, chất lượng khi thi công, đồng thời phải thực hiện nghiêm biện pháp đảm bảo ATGT theo phương án đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và xử lý ngay các hư hỏng trên tuyến đường đang khai thác được giao quản lý để thi công nhằm bảo đảm ATGT cho người tham gia giao thông.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị, địa phương mình nắm rõ và tự giác chấp hành nghiêm Luật Giao thông đường bộ, Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia; thực hiện nghiêm quy định “*đã uống rượu, bia không điều khiển phương tiện giao thông*”; nghiêm cấm can thiệp, tác động vào quá trình kiểm tra, xử lý vi phạm của lực lượng thực thi công vụ.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan, Công an các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về TTATGT (*vi phạm quy định về nồng độ cồn, chất ma túy; phóng nhanh, vượt ẩu, chở quá tải, quá khổ, quá số người quy định; đua xe trái phép; xe hết niên hạn sử dụng, xe không được phép lưu hành...*) hoạt động trên các tuyến đường thuộc địa bàn quản lý. Đặc biệt, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm trong việc sử dụng phương tiện giao thông hết niên hạn sử dụng, quá thời hạn đăng kiểm.

- Chỉ đạo lực lượng Công an phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành tổng rà soát, làm việc trực tiếp với các cơ sở kinh doanh có khả năng phát sinh vi phạm nồng độ cồn trên địa bàn để đề nghị phối hợp tuyên truyền, vận động khách đến ăn, uống chấp hành nghiêm quy định không điều khiển phương tiện giao thông sau khi đã sử

dụng rượu, bia; có biện pháp phù hợp để hỗ trợ người đã sử dụng rượu, bia không điều khiển phương tiện giao thông ra về.

- Đối với địa bàn có xảy ra TNGT mà nguyên nhân do người điều khiển phương tiện vi phạm nồng độ cồn diễn biến phức tạp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải trực tiếp chỉ đạo Ban ATGT địa phương, lực lượng Công an huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị liên quan tổ chức phân tích, đánh giá, xác định nguyên nhân, đề xuất các biện pháp phòng ngừa, không để xảy ra TNGT nghiêm trọng do người điều khiển phương tiện có nồng độ cồn gây ra.

- Xử lý kịp thời các trường hợp sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ và lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè để kinh doanh buôn bán.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến đến Nhân dân các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tuyên truyền, cảnh giới, bảo đảm ATGT tại những nơi nguy hiểm, ảnh hưởng bất lợi đến việc lái xe an toàn; làm gờ giảm tốc và cắm biển cảnh báo nguy hiểm từ đường phụ ra đường chính tại tất cả các điểm giao cắt giữa các tuyến đường do địa phương quản lý với đường quốc lộ, đường tỉnh.

- Phát huy vai trò của người có uy tín, Bí thư Chi bộ, Tổ trưởng dân phố, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc ở địa phương cấp xã trong việc tuyên truyền, vận động người dân chấp hành nghiêm quy định pháp luật về giao thông, nhất là *“đã uống rượu, bia không điều khiển phương tiện giao thông”*.

- Củng cố, kiện toàn Ban an toàn giao thông cấp huyện, Ban an toàn giao thông cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu công tác bảo đảm TTATGT trên địa bàn.

14. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh

Phối hợp với cơ quan điều tra đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án vi phạm quy định về TTATGT gây hậu quả nghiêm trọng, chống người thi hành công vụ,... góp phần vào việc phòng ngừa trực tiếp vi phạm, tội phạm trong lĩnh vực TTATGT.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tỉnh Đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên tích cực, tự giác, gương mẫu trong chấp hành các quy định của pháp luật về TTATGT, lồng ghép với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các phong trào thi đua của từng tổ chức chính trị - xã hội. Trọng tâm là vận động cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, hội viên và tuổi trẻ đi đầu thực hiện văn hóa giao thông.

- Đưa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGT vào sinh hoạt định kỳ; coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của các tổ chức, đoàn thể và coi việc chấp hành pháp luật về TTATGT là một trong những tiêu chí bình xét thi đua.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm về vận động Nhân dân tham gia bảo đảm TTATGT, đặc biệt chú trọng vận động Nhân dân tham gia bảo vệ, chống lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường, hành lang ATGT đường bộ.

- Tổ chức đăng ký thi đua xây dựng khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp an toàn, điển hình tiên tiến về ATGT.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hằng năm (*trước ngày 20 tháng 12 hàng năm*) báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch gửi về Ban An toàn giao thông tỉnh tổng hợp.

2. Giao Ban An toàn giao thông tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 453/UBND-KTTH
V/v triển khai thực hiện Nghị quyết
số 07/NQ-HĐND ngày 30/3/2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Sở Y tế

Thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực y tế - dân số trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

Sở Y tế tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh đến các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực y tế - dân số quy định tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc phân cấp cho Sở Y tế lựa chọn đơn vị sự nghiệp công để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo quy định;

Căn cứ tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực y tế - dân số (nếu có) để phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

Yêu cầu Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thuý

VĂN PHÒNG UBND TỈNH AN GIANG XUẤT BẢN

Địa chỉ : 16C, Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, TP.Long Xuyên –
AG

Điện thoại : 0296. 3856955

Fax : 0296. 3852037

Email : congbao@angiang.gov.vn

Website : <http://congbao.angiang.gov.vn>